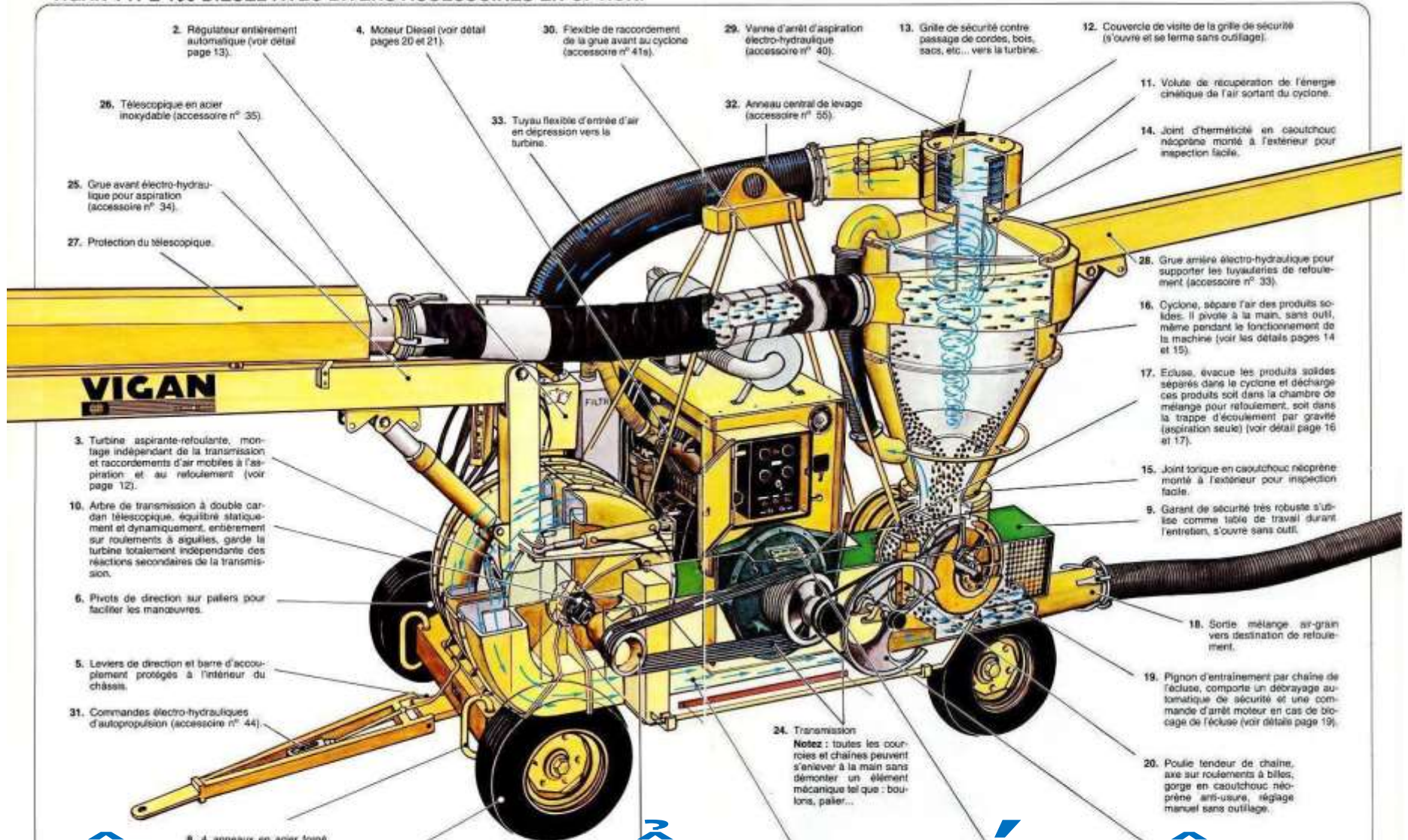


Chương 07:

VIGAN TYPE 100 DIESEL AVEC DIVERS ACCESSOIRES EN OPTION.



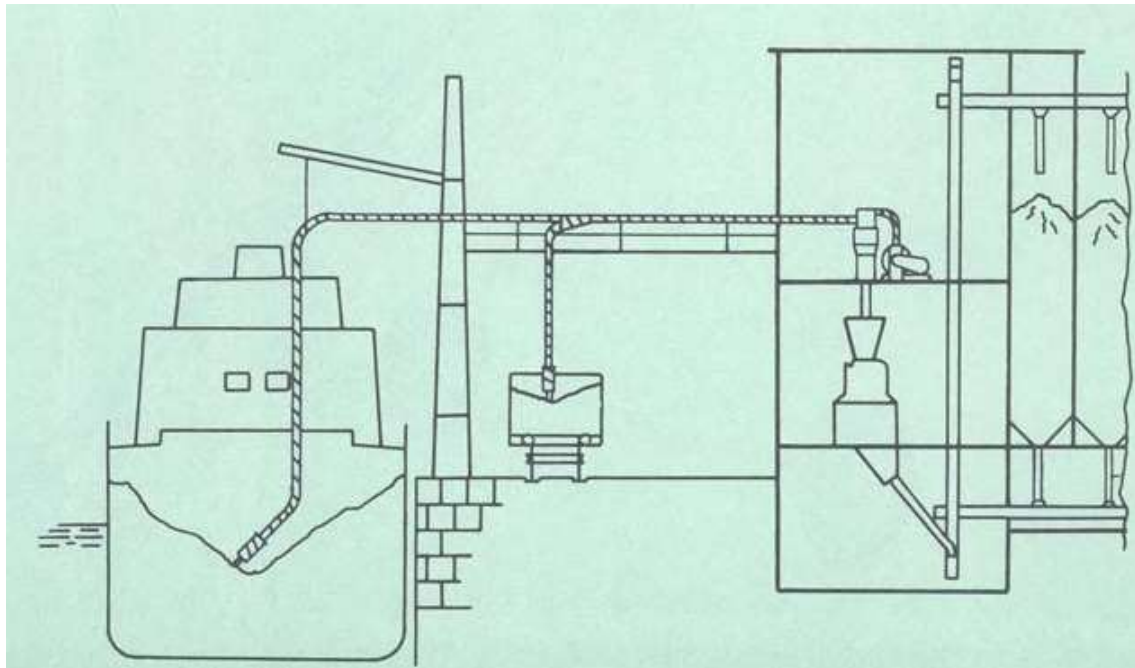
VẬN CHUYỂN KHÍ ĐỘNG

Giới thiệu

- Vận chuyển bằng khí động thể hiện một cách xử lý vật liệu an toàn, đáng tin cậy, tiết kiệm và linh hoạt, và một cách xử lý vật liệu không gây hại cho môi trường.
- Một trong những chức năng chính của xử lý khí động là chuyển vật liệu từ vị trí này sang vị trí khác.
- Các chức năng khác là: trao đổi nhiệt, trộn, làm khô, phát triển hạt, hấp phụ, phản ứng tổng hợp, crackinh và cải tạo hydrocacbon, cacbon hóa và khí hóa, nung và phản ứng rắn, và khí-rắn.

Giới thiệu

- Vận tải khí nén di chuyển vật liệu trong hệ thống ống kín bằng dòng khí vận tốc cao. Hệ thống sử dụng bộ nạp hoặc bộ thu nguyên liệu, máy thổi khí, ống dẫn và lốc xoáy để thu hoặc xả. Hình dưới đây minh họa cách sử dụng phổ biến của hệ thống khí nén - dỡ hàng trên tàu hoặc toa tàu và chuyển ngũ cốc vào kho chứa hoặc hệ thống xử lý khác.



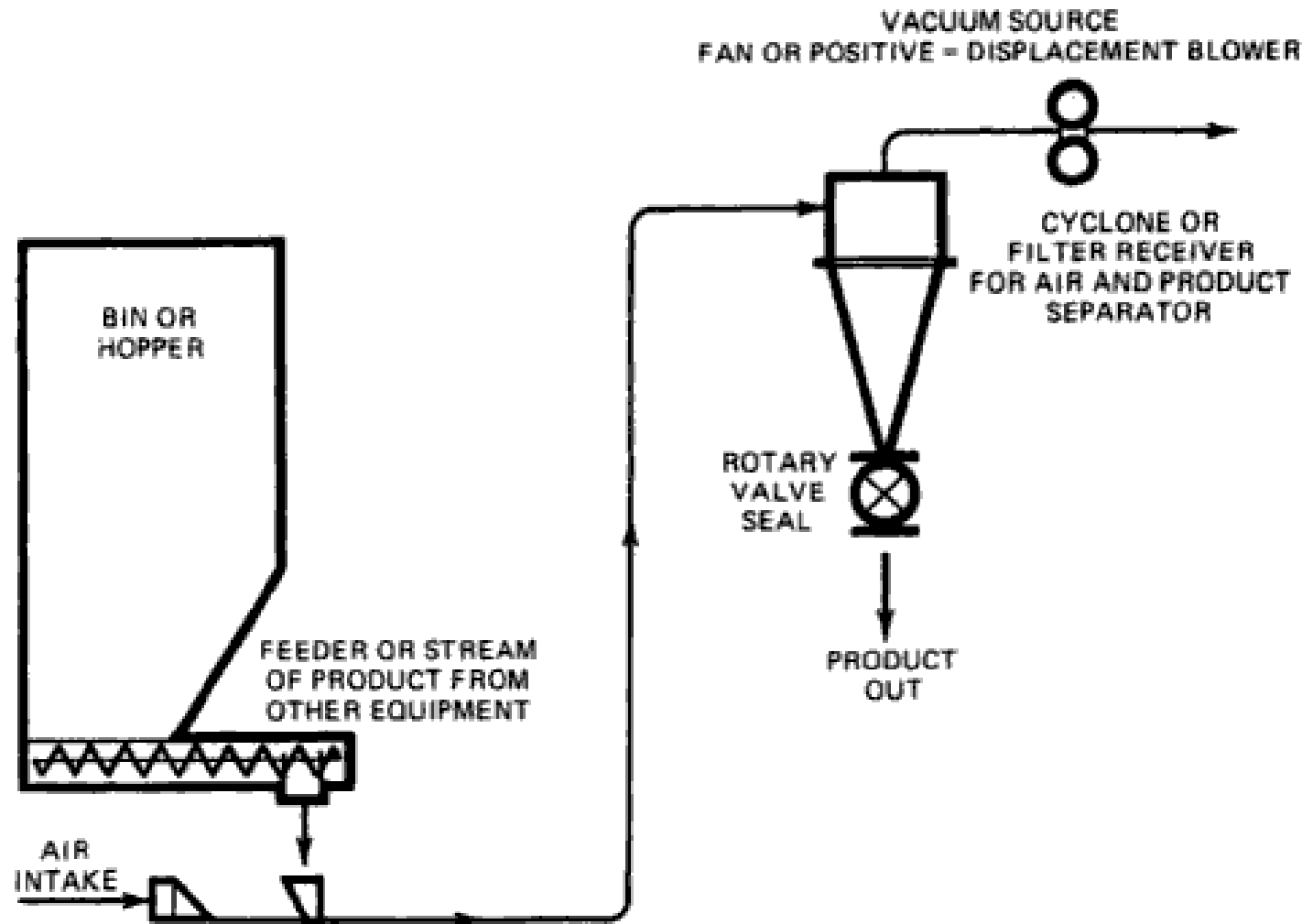
Các kiểu của hệ thống:

1. Hệ thống giảm áp (chân không)
2. Hệ thống tăng áp suất (áp suất dương)
3. Hệ thống áp suất dương và chân không

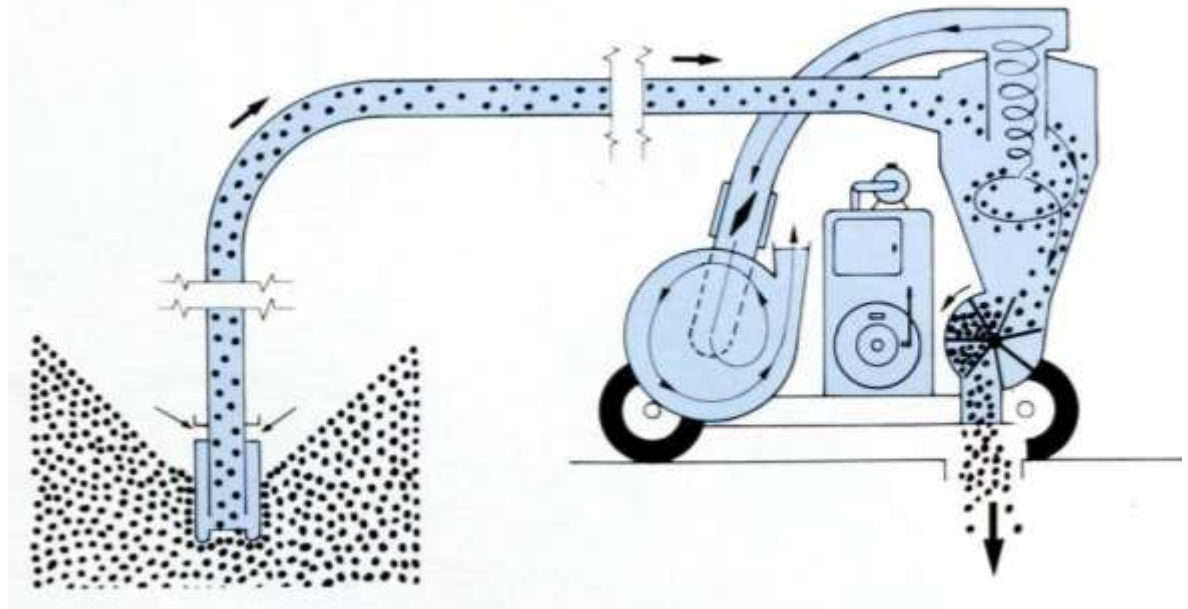
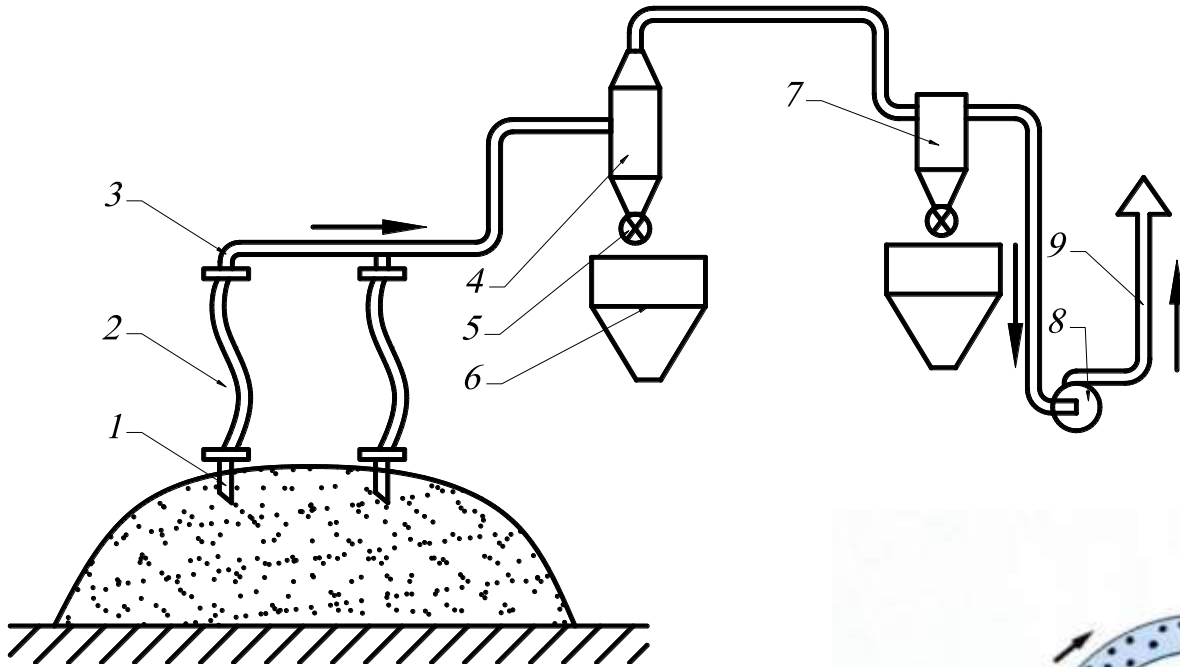
Hệ thống áp suất âm (chân không)

- **Đầu tiên là một hệ thống chân không hoặc áp suất thấp, đơn giản.**
- **Điều này bao gồm đường ống và ống nạp, có thể là một nhánh chữ Y, nơi vật liệu rơi vào hệ thống không khí và được kéo bởi chân không, do đó loại bỏ bụi tại nguồn nạp.**
- **Loại hệ thống này có thể được sử dụng trong các hoạt động mà sản phẩm phải được đưa vào phễu đổ.**

Hệ thống áp suất âm đơn (chân khô)



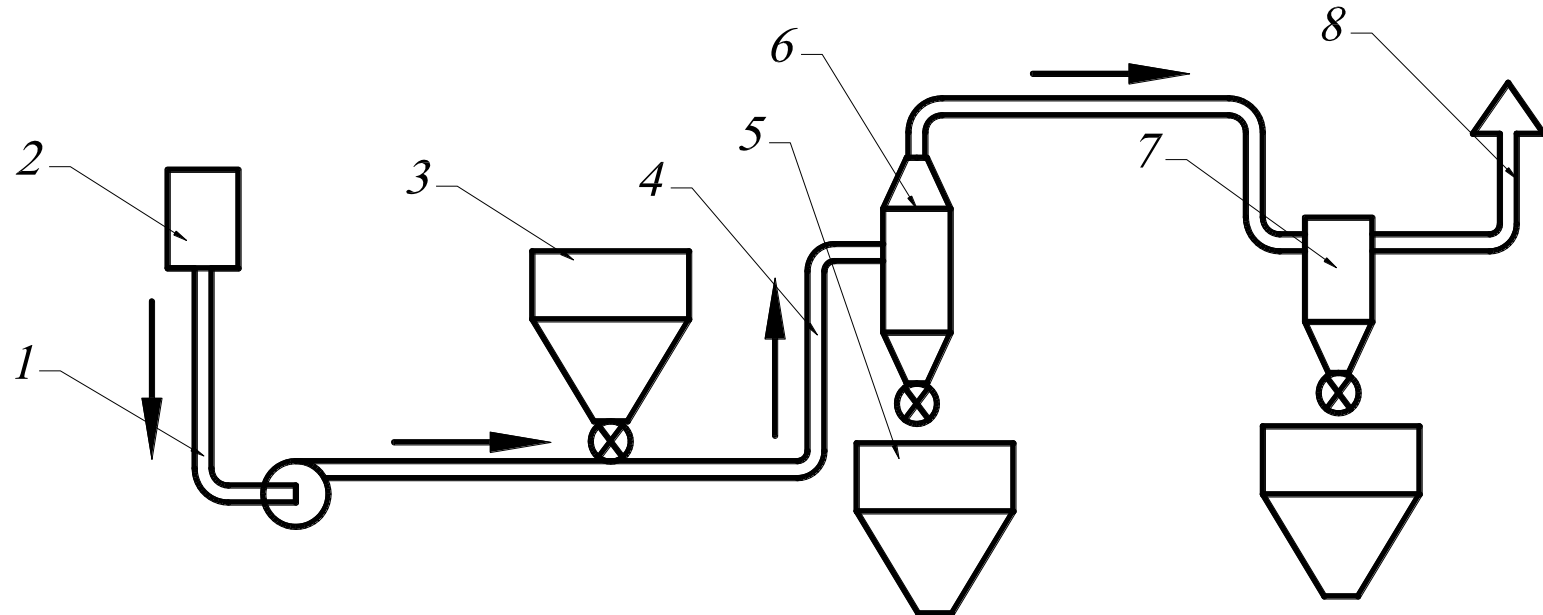
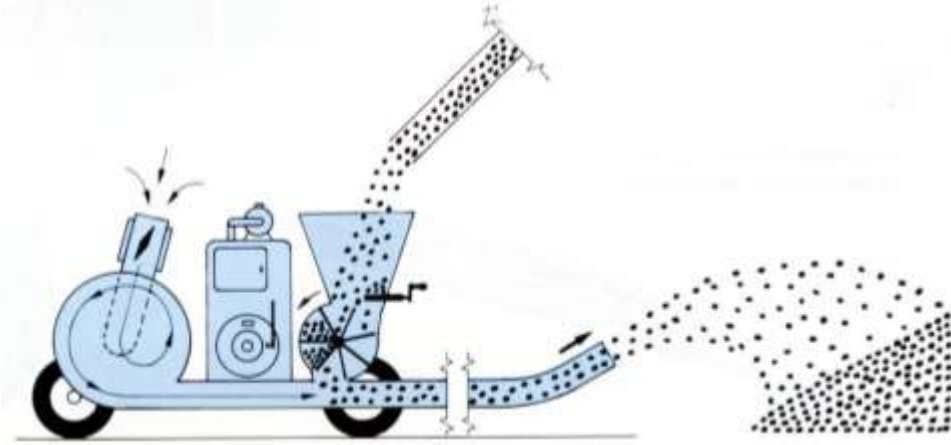
Hệ thống áp suất âm kép(chân không)



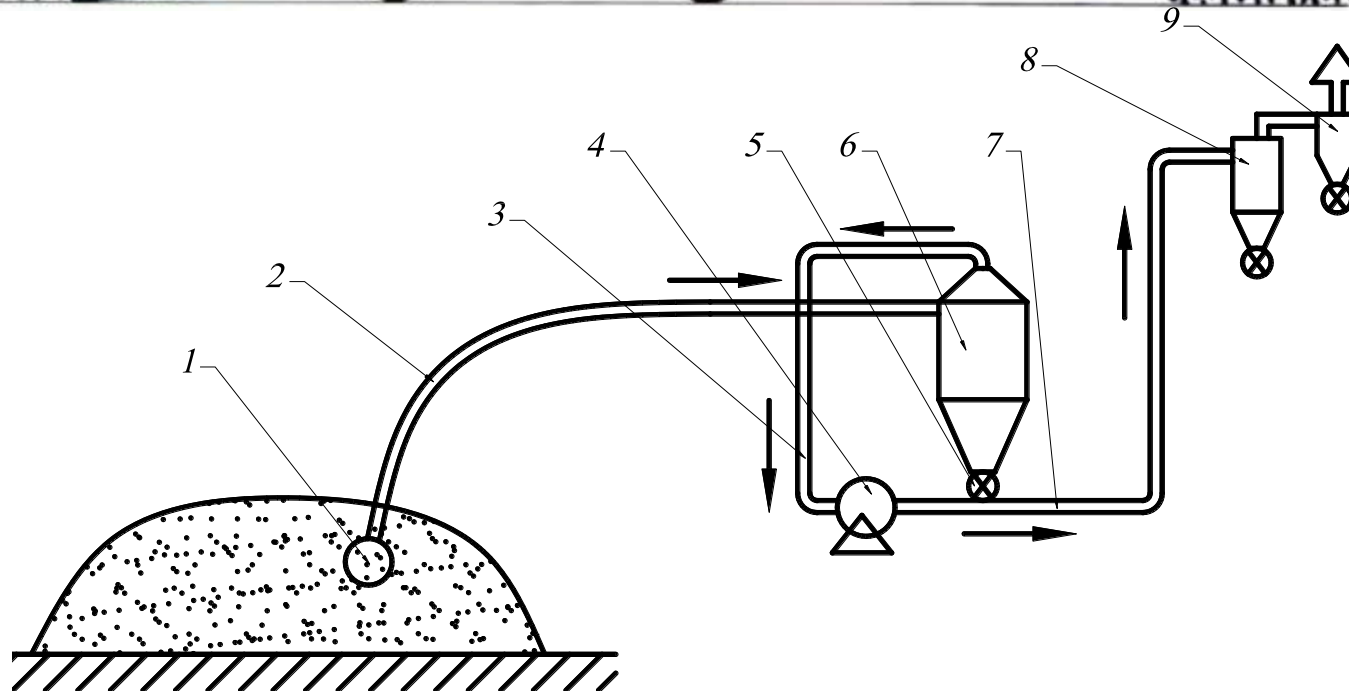
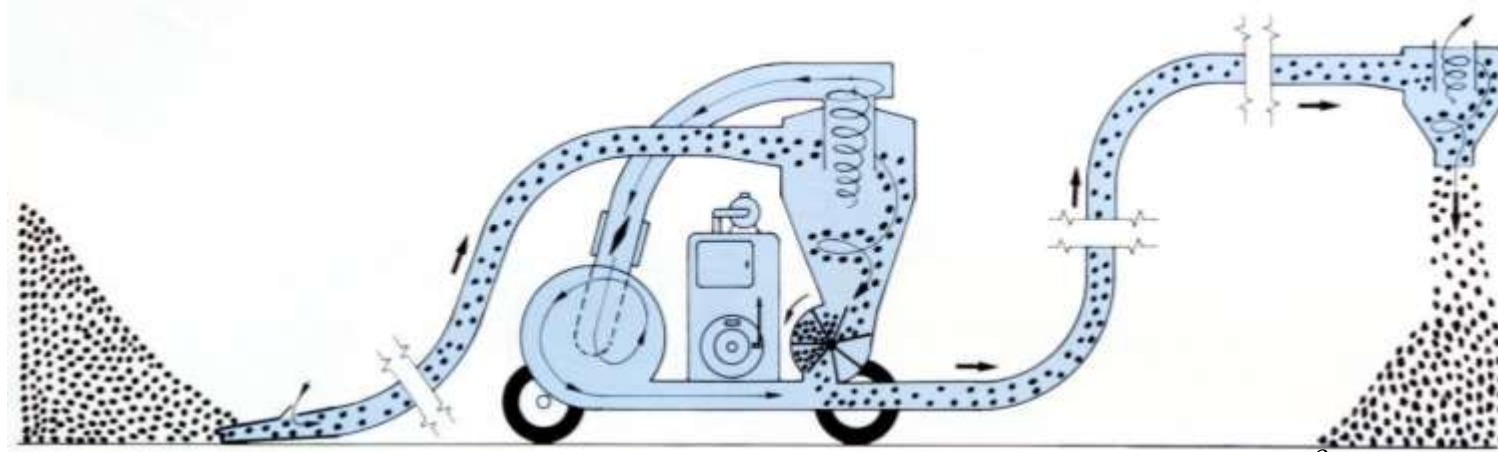
Hệ thống áp suất âm chân không

Các hệ thống này đặc biệt phù hợp để di chuyển vật liệu từ nhiều điểm lấy hàng đến một vị trí duy nhất, lý do là phần lớn chi phí của hệ thống nằm ở đầu cuối nơi đặt bộ thu, van quay và nguồn chân không.

Pressure System



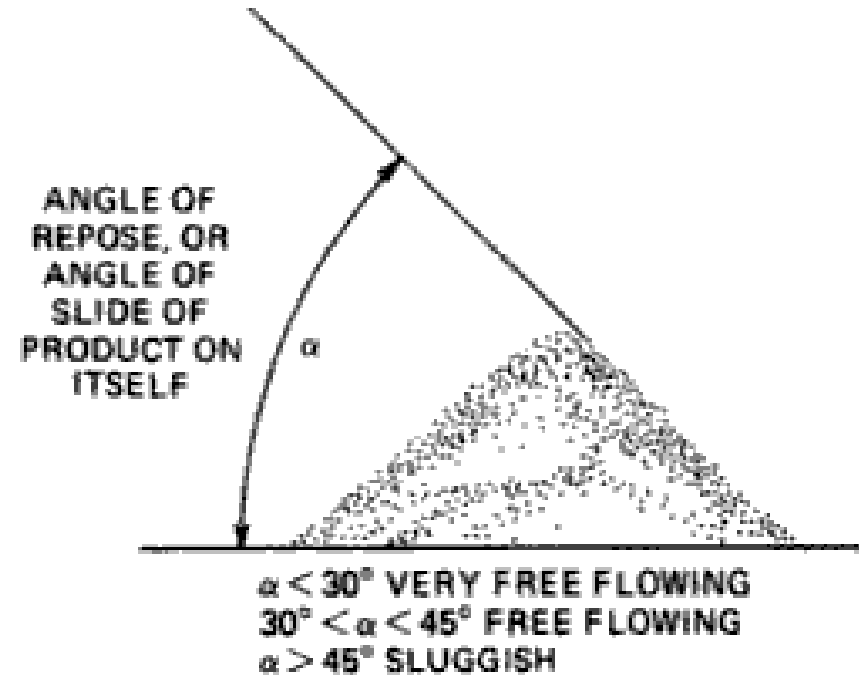
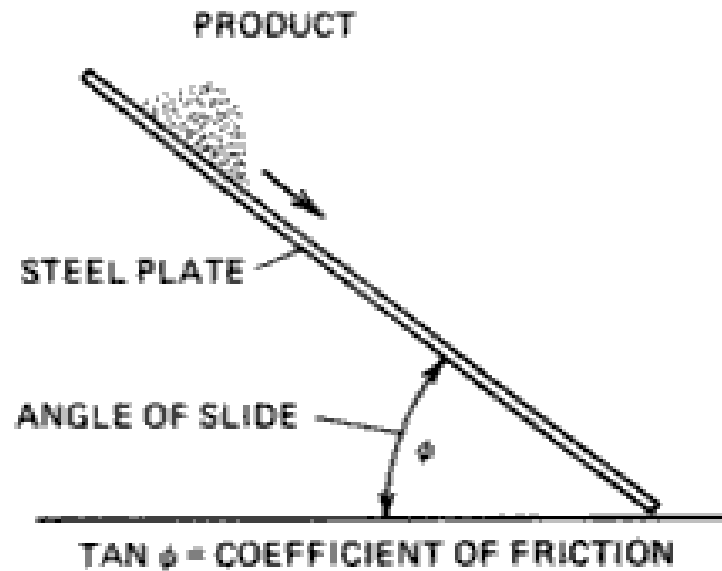
Hệ thống áp suất chân không và tang áp



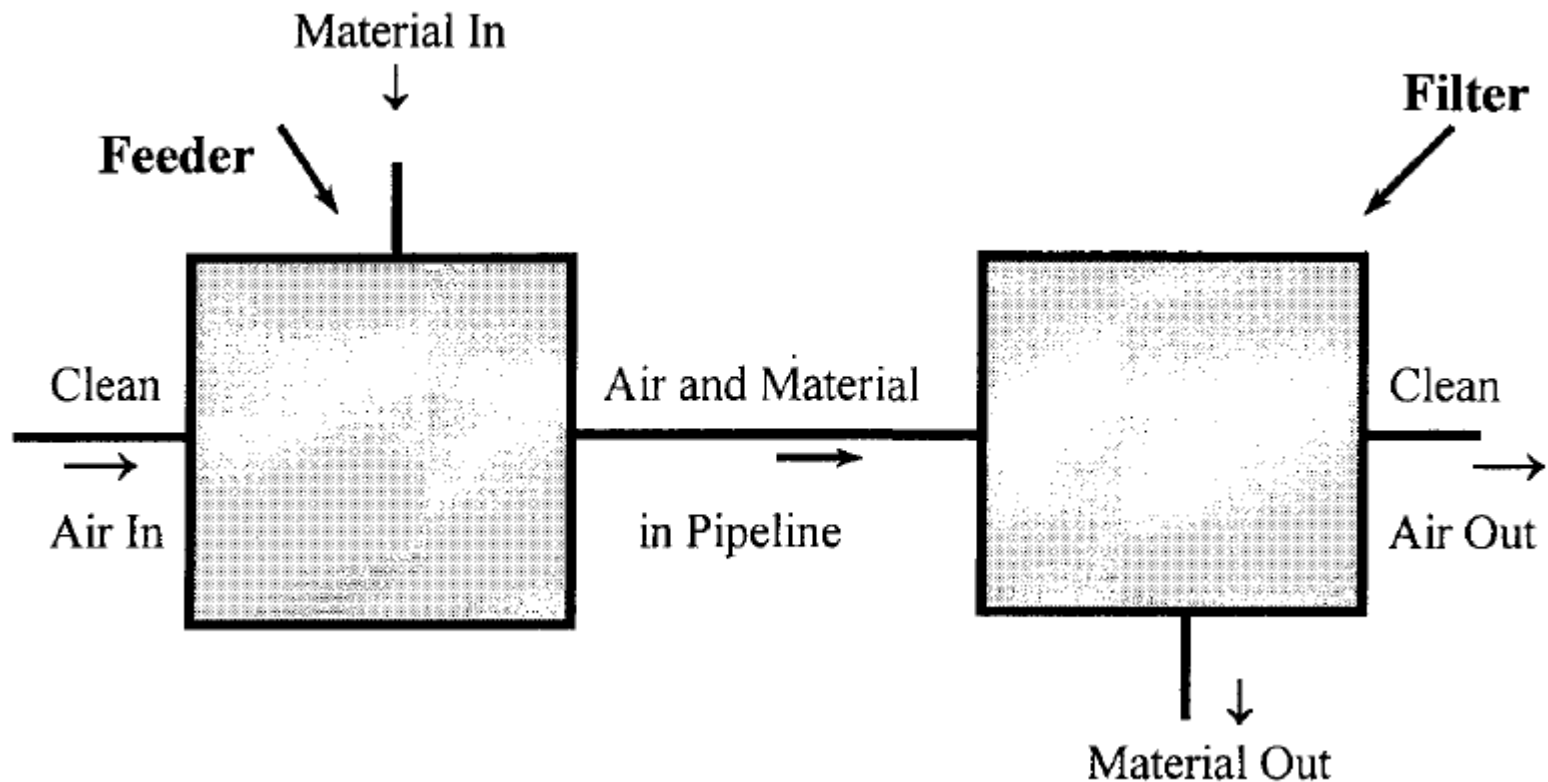
Design Parameters

- **Năng lực được truyền đạt**
- **Khoảng cách mà sản phẩm sẽ được di chuyển**
- **Số lượng và loại địa điểm nhận sản phẩm.**
- **Vận tốc cần thiết.**
- **Các đặc tính của sản phẩm (mật độ của sản phẩm; góc trượt; góc đặt lại)**

Angle of slide and angle of repose



Các thành phần chính



**Fans or compressor ; Suction nozzle; Rotary valve;
Cyclone collector; Filter; Venturi valve; Pipeline**

Quạt

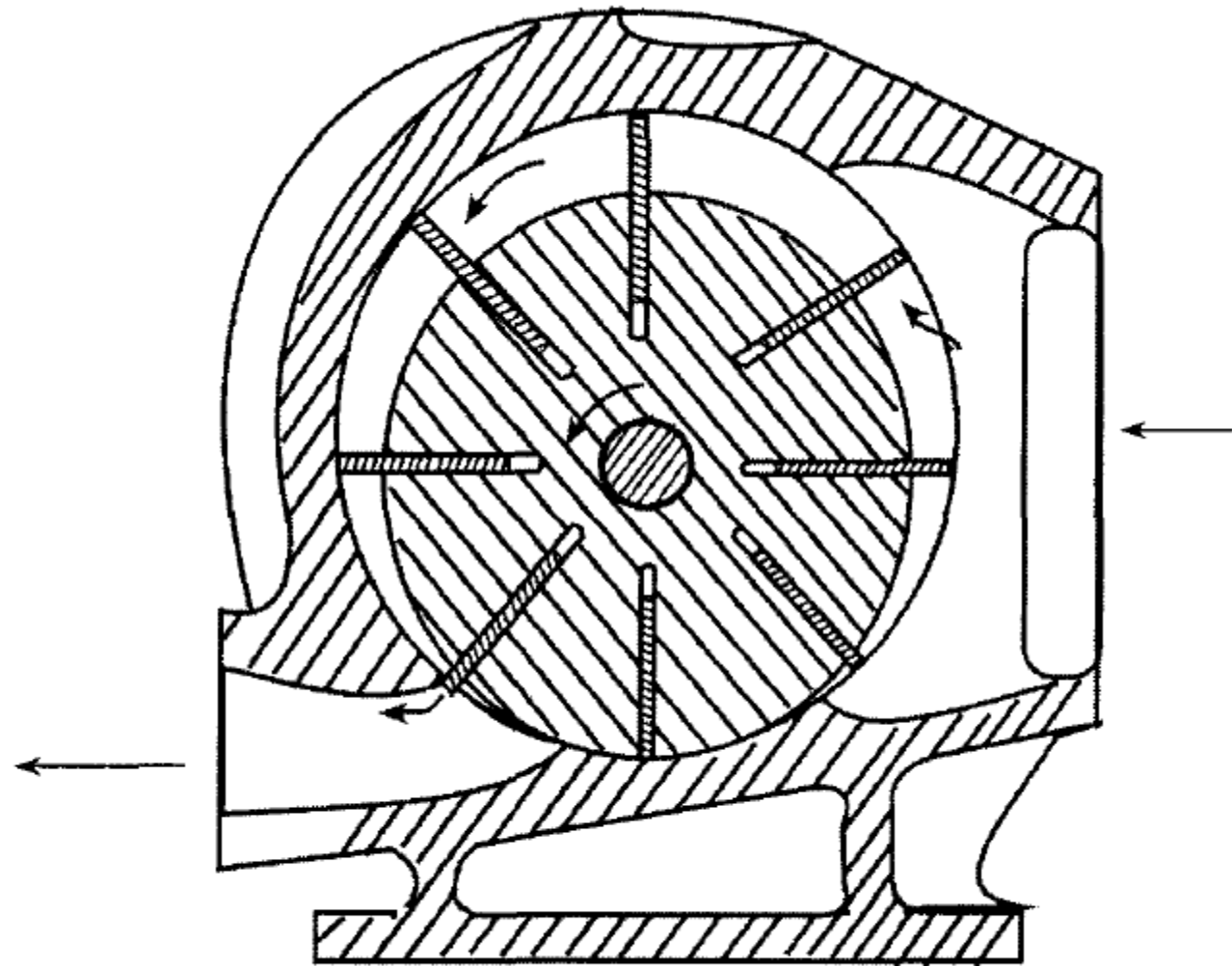


Figure 3.7 Sketch of sliding vane rotary compressor.

Miếng hút

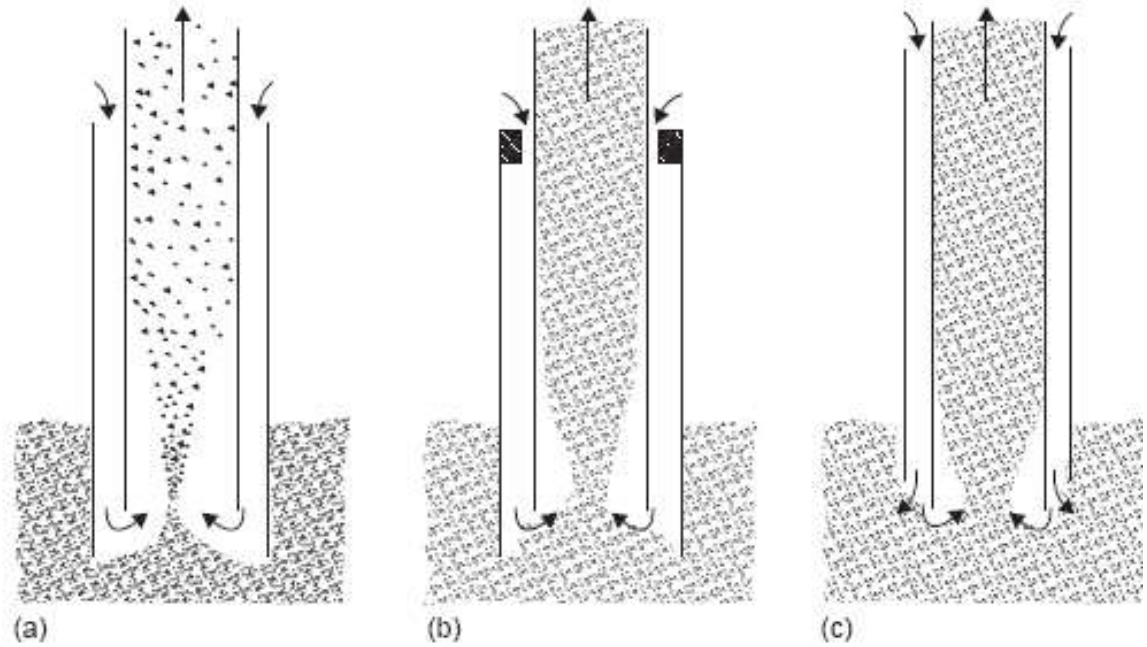
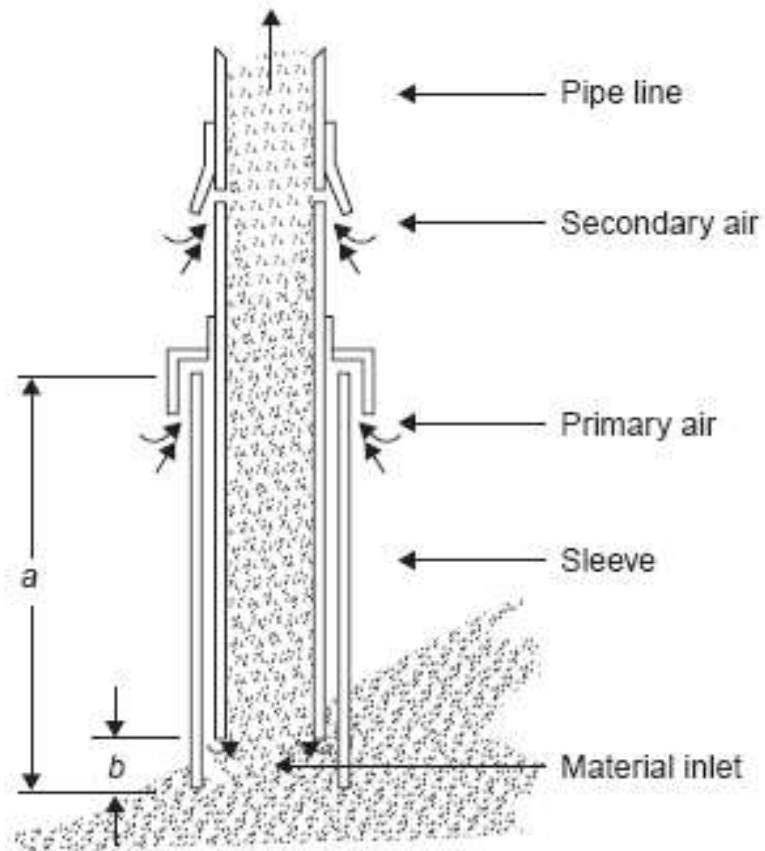
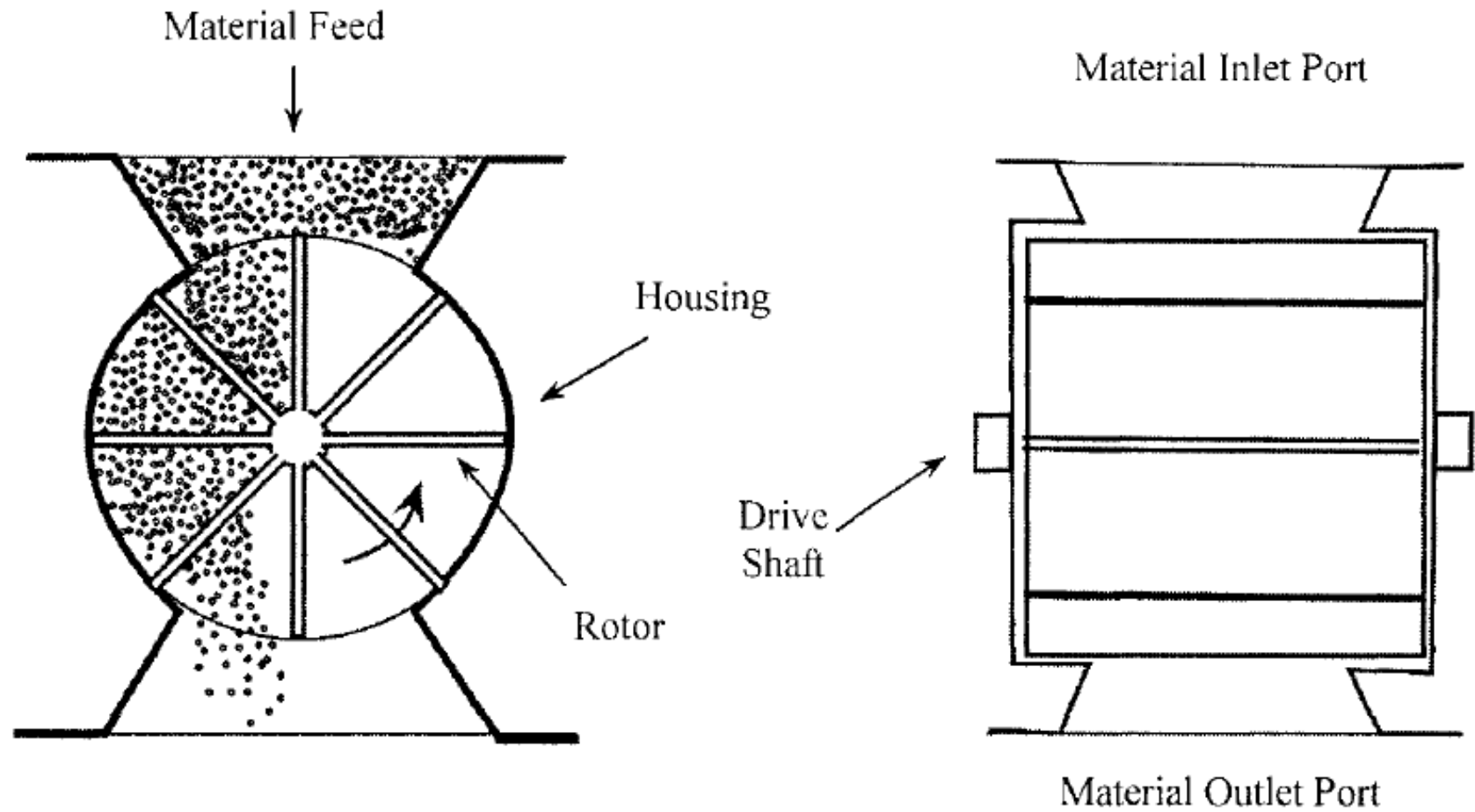


Figure 3.23 Suction nozzles showing typical modes of operation: (a) outer sleeve extended, (b) air inlet throttled and (c) outer sleeve retracted.

Suction nozzle for vacuum pick-up systems.

Van xoáy



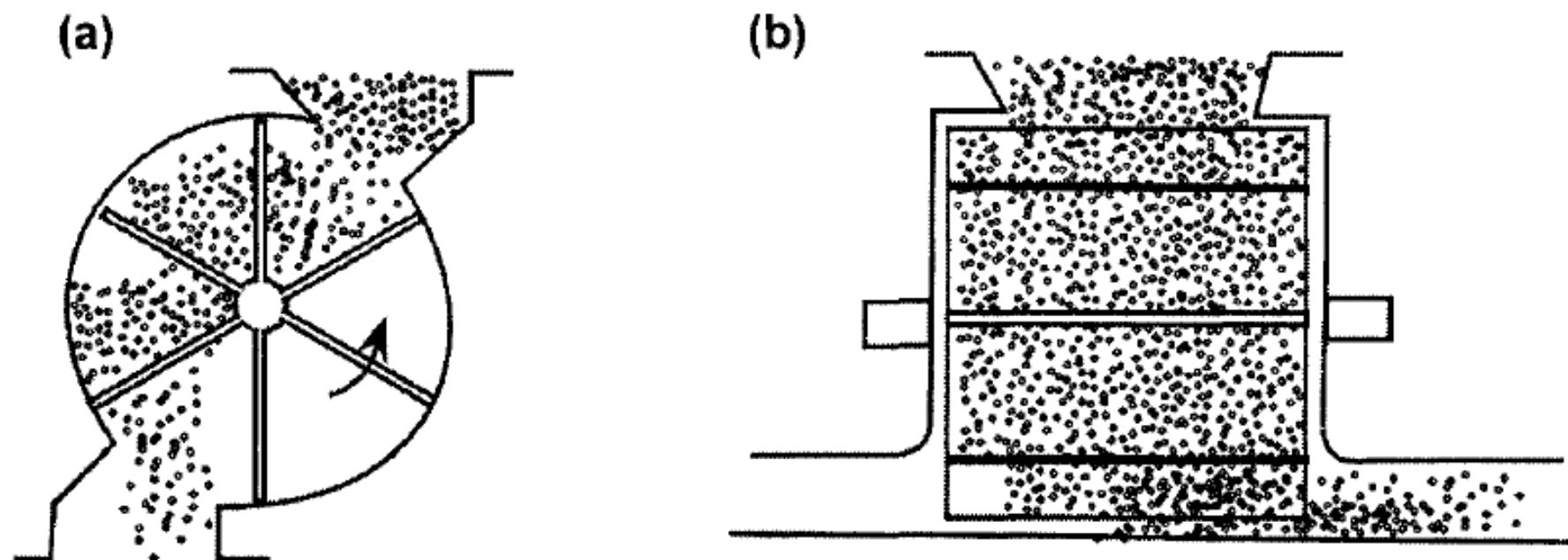


Figure 2.4 Alternative rotary valve configurations. (a) Off-set and (b) blow-through.

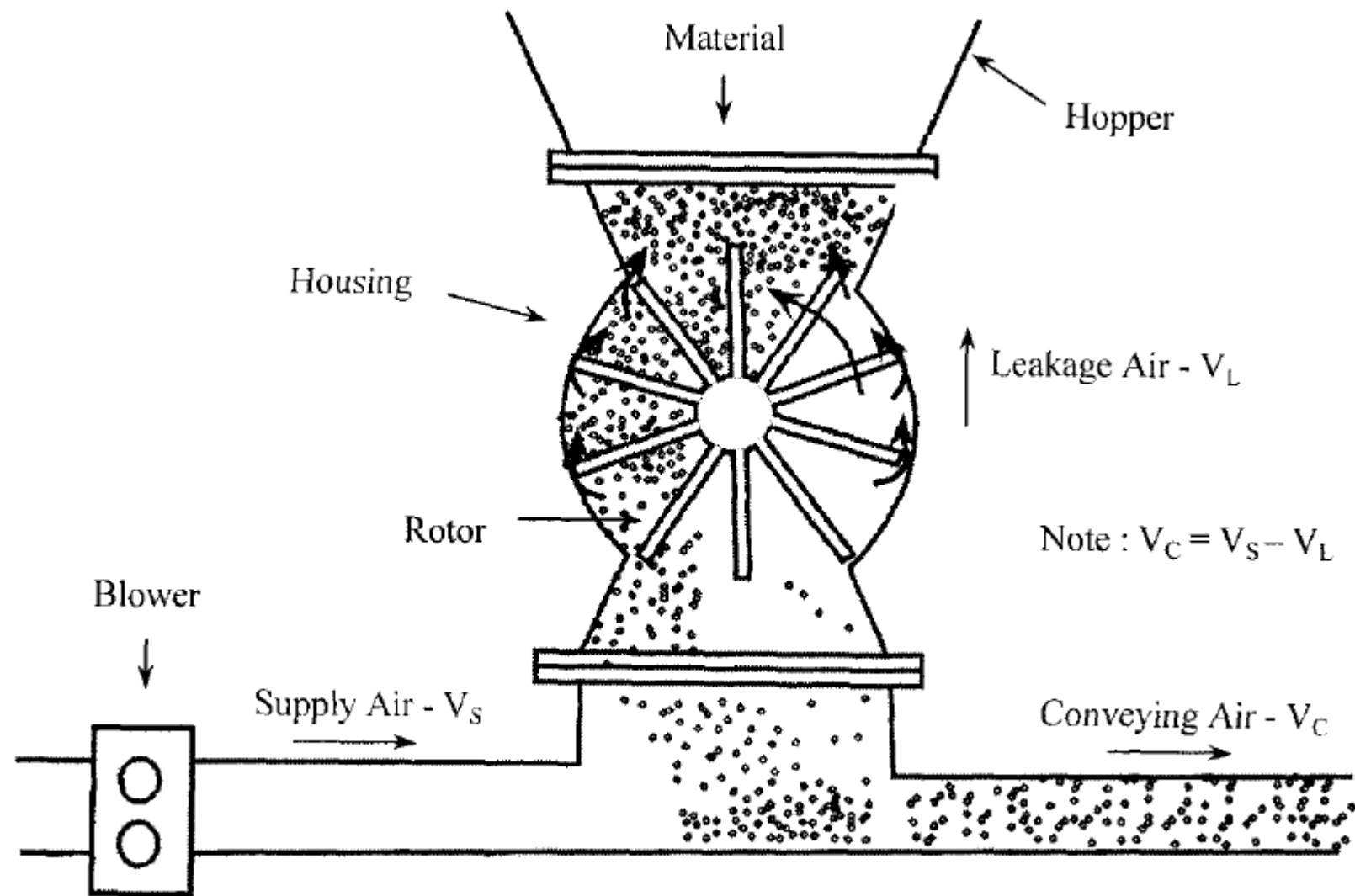


Figure 2.5 Air flows and leakage paths for rotary valve system.

Cấp liệu bằng vít tải

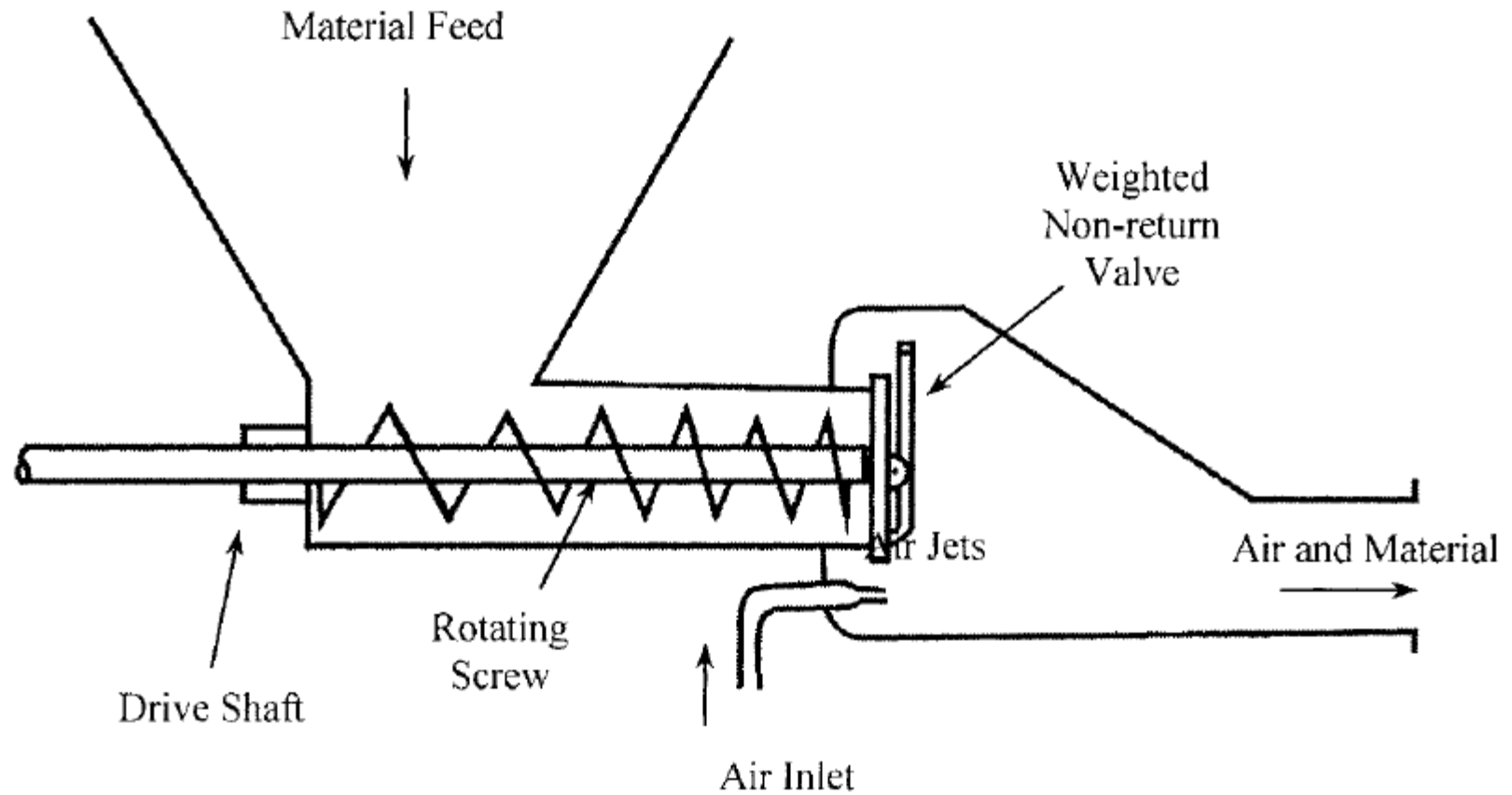
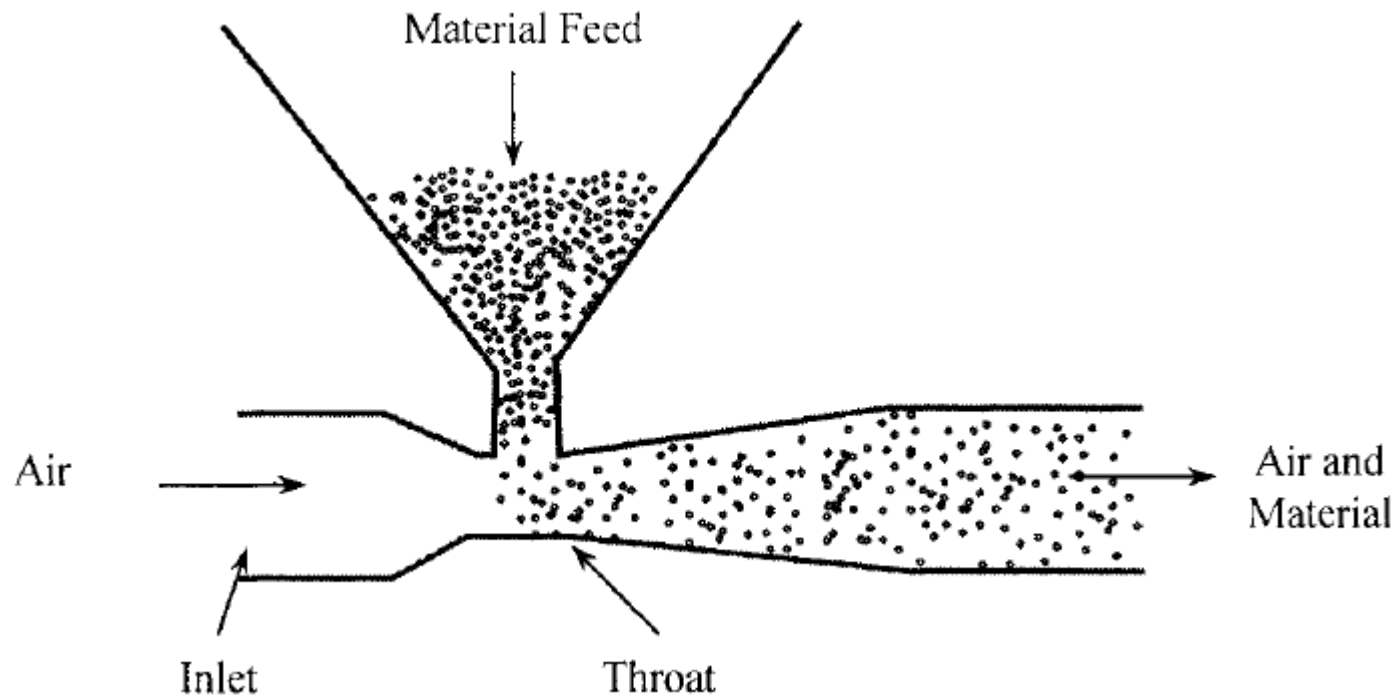


Figure 2.11 Commercial type of screw feeder.

Venturi cấp liệu



Xyclone và van xoay

